

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

Căn cứ khoản 2 Điều 149, 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;  
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 3379/2022/TLST-VHNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”. gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:*

1. Ông **Trần Xuân T**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: 80/2, khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

2. Bà **Vũ Thị Bích N**, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Tổ 36, khu phố 4A, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1] Về thủ tục tố tụng:**

Ngày 06 tháng 12 năm 2022, ông Trần Xuân T và bà Vũ Thị Bích N cùng nộp đơn yêu cầu “công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận việc nuôi con chung”. Quá trình vận động hòa giải, ông T, bà N thống nhất không hòa giải đoàn tụ; Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận thuận tình ly hôn vào ngày 12 tháng 12 năm 2022. Ông T, bà N cư trú tại phường T thuộc thành phố B, tỉnh Đ đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình; Do đó, đơn yêu cầu của ông T, bà N được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

**[2] Về nội dung đơn yêu cầu:**

Ông Trần Xuân T và bà Vũ Thị Bích N chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 105/2022 ngày 31/5/2022.

Về con chung: Ông T, bà N xác định không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông T, bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T, bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình chung sống, ông T và bà N thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Ông T, bà N xác định tình cảm không còn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

Xét thấy, ông T và bà N thực sự tự nguyện ly hôn. Do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa chấp nhận đơn yêu cầu của ông T và bà N.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Trần Xuân T và bà Vũ Thị Bích N.

- Về con chung: Ông Trần Xuân T và bà Vũ Thị Bích N xác định không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Xuân T và bà Vũ Thị Bích N mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu lệ phí số 0005367 ngày 07/12/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa. Ông T, bà N đã nộp đủ lệ phí theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã (phường) ĐKKH;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Phan Thị Hòa**